TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNCHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bảnán số:**342**/2020/HNGĐ-ST Ngày: 15/6/2020 *V/v Tranh chấp Ly hôn*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Đỗ Thanh Hiền**

2.Bà **Phan Thị Quý**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Dương Thị Châu**-Kiểm sát viên*

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2020 về *"Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2020 giữa các đương sự

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị L** sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp 1, xã TL1, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp ĐB, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L có mặt, anh L1 có đơn xin vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh L1 chung sống vợ chồng vào năm 2013, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm đồng thời do gia đình chồng và gia đình chồng ép bỏ đứa con thứ hai Chị L đang mang thai. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn đã ly thân từ năm 2017 đến nay nên Chị L xin Tòa án giải quyết ly hôn với anh L1. Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y sinh ngày 12/8/2013 và Nguyễn Ngọc T sinh ngày 11/7/2017 khi ly hôn Chị L xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.Về nợ chung không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Theo bản tự khai, đơn xin vắng mặt anh Nguyễn Văn L1 trình bày anh đồng ý ly hôn với Chị L, anh chị chung sống vợ chồng vào năm 2013, không có đăng ký kết hôn. Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y sinh ngày 12/8/2013 và Nguyễn Ngọc T sinh ngày 11/7/2017 khi ly hôn Chị L xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung anh L1 đồng ý, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị L và anh L1 quen biết sau đó tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2013, nhưng cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị chung sống hạnh phúc đến 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo Chị L trình bày là do bất đồng quan điểm đồng thời do gia đình chồng và gia đình chồng ép bỏ đứa con thứ hai Chị L đang mang thai và anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Do thấy không còn tình cảm nên Chị L làm đơn xin ly hôn với anh L1. Do Chị L và anh L1 chung sống vợ chồng từ năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên việc Chị L xin ly hôn với anh L1 được xem xét giải quyết theo quy định Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L1.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị L: Tại phiên tòa, Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L1 lý do giữa chị và anh L1 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, đồng thời do gia đình chồng và gia đình chồng ép bỏ đứa con thứ hai Chị L đang mang thai, anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay,giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn. Anh L1 xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh đồng ý ly hôn với Chị L. Do Chị L và anh L1 chung sống vợ chồng từ năm 2013 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vi phạm Luật hôn nhân gia đình nên theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 là vợ chồng.

Về con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y sinh ngày 12/8/2013 và Nguyễn Ngọc T sinh ngày 11/7/2017, khi ly hôn Chị L và anh L1 thỏa thuận thống nhất Chị L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu Y, anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L và anh L1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị L và anh L1 xác định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.
- Căn cứ khoản 4 Điều 3Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp

Xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 là vợ chồng.

-Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Như Y sinh ngày 12/8/2013 và Nguyễn Ngọc T sinh ngày 11/7/2017 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị L đã nộp theo biên lai số 01974 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như Chị L đã nộp xong án phí.

Chị L quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường

* *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.